

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Duy Toàn và bà Lục Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực tham gia phiên tòa: Bà Võ Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Quan Văn P, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Riềng, xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H (nay là thôn Riềng, xã Bạch N, tỉnh T). Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Châu Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Riềng, xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H (nay là thôn Riềng, xã Bạch N, tỉnh T). Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2025 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Quan Văn P trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là chị Châu Thị N hoàn toàn tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến nay vợ chồng anh chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên vợ chồng anh sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi trong việc phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái, vợ chồng anh mặc dù đã cố gắng cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Sự mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa được cấp có thẩm quyền nào giải quyết, hiện tại vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 giải quyết cho anh được ly hôn với chị Châu Thị N để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Có 5 con chung là cháu Quan Thị Nh, sinh năm 1990, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Văn T, sinh

năm 1997, cháu Quan Khánh L, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Châu Thị N trình bày tại Bản tự khai ghi ngày 10/7/2025, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ngày 09/4/2025 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt ghi ngày 21/7/2025 có nội dung: trình bày: Chị và anh Quan Văn P hoàn toàn tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 1995, đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, mỗi người có một quan điểm riêng, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã cố gắng cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, trầm trọng và sống ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng chị không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết được cho chị được ly hôn với anh Quan Văn P để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Giữa chị với anh P có 5 con chung là cháu Quan Thị Nh, sinh năm 1990, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Văn T, sinh năm 1997, cháu Quan Khánh L, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa anh Quan Văn P vắng mặt có lý do (có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt). Chủ Tọa công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến anh Phạt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn chị Châu Thị N; về con chung có 5 con chung là cháu Quan Thị Nh, sinh năm 1990, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Văn T, sinh năm 1997, cháu Quan Khánh L, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Châu Thị N vắng mặt có lý do (có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ Tọa công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến chị N trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Chị N có quan điểm nhất trí ly hôn với anh Quan Văn P; về con chung: Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định từ cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, vấn đề thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực

hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thành phần tham gia xét xử hôm nay đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như về nguyên tắc xét xử và Thư ký phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điều 238; điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của anh Quan Văn P đối với Chị Châu Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận anh Quan Văn P và chị Châu Thị N là vợ chồng.

3. Về con chung: Anh P và chị N xác định hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ chung: Anh P và chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Quan Văn P về việc xin ly hôn với chị Châu Thị N được Tòa án nhân dân khu vực 4 thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Quan Văn P và bị đơn chị Châu Thị N vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất có lý do, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử (HĐXX) mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Quan Văn P và chị Châu Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống giữa anh chị trên cơ sở tự nguyện, trong quá

trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có sự hoà thuận hạnh phúc nên đã có con chung, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2023 cho đến nay, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người có một quan điểm riêng, mặt khác tính cách vợ chồng không có sự hoà hợp. Thấy rằng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh Quan Văn P đã làm đơn đề nghị xin ly hôn chị Châu Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N không tuân thủ theo quy định của pháp luật về việc đăng ký kết hôn. Anh P và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay mà chưa đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận anh Quan Văn P và chị Châu Thị N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh Quan Văn P và chị Châu Thị N xác định có 05 con chung cháu Quan Thị Nh, sinh năm 1990, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Thị L, sinh năm 1994, cháu Quan Văn T, sinh năm 1997, cháu Quan Khánh L, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Quan Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Anh Quan Văn P và chị Châu Thị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa đồng thuận với Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điều 238; điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận anh Quan Văn P và chị Châu Thị N là vợ chồng.

2. *Về án phí:* Anh Quan Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4) là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001375 ngày 13 tháng 5 năm 2025. Anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- UBND xã;
- THADS tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phúc